TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 19-6-2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Bôn
Ông Lê Duy Cửu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang:*** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN. Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower – PT, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Văn T hoặc ông Trần T L hoặc ông Lê Huy T; cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky – K, phường 25, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 029517.21 ngày 20/12/2021), ông T có mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Trường C, sinh năm: 1965
Địa chỉ: Thôn N, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của Ngân hàng TMCP VN (sau đây viết tắt: V), ông Lê Huy T trình bày:

Căn cứ Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V, Đề nghị phát hành thể tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của ông Ngô Trường C, các văn bản của ông Ngô Trường C ký với V về việc sử

dụng thẻ tín dụng. Ngày 24/05/2019, V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Ngô Trường C, chi tiết thẻ như sau: Thẻ tín dụng số: 5128240000966323; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế V Financial Free; Ngày cấp: 24/5/2019; Hạn mức thẻ: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); Thời hạn sử dụng thẻ: 60 tháng; Lãi suất, phí Công bố trên website chính thức của V (theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, đến ngày 03/8/2020 ông Ngô Trường C đã dừng thực hiện giao dịch và vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/05/2019. V đã nhiều lần yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như thỏa thuận nhưng ông C vẫn không thực hiện. Đến ngày 27/9/2021 thì V chấm dứt quyền sử dụng thẻ, không tính tiền lãi phát sinh, cũng như phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức đối với thẻ tín dụng của ông Ngô Trường C.

Tính đến ngày 19/6/2023 ông Ngô Trường C còn nợ V số tiền gốc là: 29.728.103 đồng; tiền lãi và tiền phí tính đến ngày 27/9/2021, cụ thể: Tiền lãi: 13.116.361 đồng, phí: 43.197.953 đồng (trong đó phí chậm thanh toán là 29.614.775 đồng, phí vượt hạn mức là 13.583.178 đồng). Tổng số tiền ông Ngô Trường C còn nợ V là 86.042.417đ (tám mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Nay, Ngân hàng TMCP VN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang buộc ông Ngô Trường C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP VN số tiền là: 86.042.417đ (tám mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm mười bảy đồng), bao gồm: Nợ gốc: 29.728.103 đồng, Nợ lãi: 13.116.361 đồng; Nợ phí: 43.197 953 đồng (trong đó phí chậm thanh toán là 29.614.775 đồng, phí vượt hạn mức là 13.583.178 đồng).

Ngân hàng TMCP VN chấm dứt việc sử dụng thể tín dụng của ông Ngô Trường C kể từ ngày 27/9/2021 nên V không yêu cầu ông C tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí đối với việc dùng thẻ tín dụng của ông C kể ngày 28/9/2021.

Bị đơn ông Ngô Trường C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông C vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn ông Ngô Trường C không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa ông C vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt ông C.

Về nội dung vụ án:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tiền gốc 29.728.103 đồng và lãi: 13.116.361 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với tiền nợ phí chậm thanh toán là 29.614.775 đồng. Xét thấy, từ lúc vi phạm hợp đồng ngày 03/8/2020 đến ngày 27/9/2021 là: 13 tháng 24 ngày x lãi suất phí 6%/tháng x số tiền nợ 29.728.103 đồng = 24.614.869 đồng nên chỉ chấp nhận 24.614.869 đồng.

Đối với tiền phí vượt hạn mức là 13.583.178 đồng, đại diện V cho rằng V không cho ông C rút tiền vượt hạn mức. Do đó, V đề nghị ông C trả phí vượt hạn mức 13.583.178 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần tiền phí của V với tổng số tiền là 18.583.084 đồng.

Về án phí, buộc ông C phải chịu theo quy định của pháp luật. V phải chịu tiền án phí đối với phần không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Toà án đã T hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn ông Ngô Trường C theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông C vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn ông Ngô Trường C vắng mặt lần thứ hai được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án T hành xét xử vắng mặt ông C.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP VN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Ngô Trường C; địa chỉ: Thôn N, xã Hòa T, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã T hành tống đạt các thông báo, văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không có mặt tại thôn N, xã Hòa T, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; theo văn bản do nguyên đơn cung cấp theo đơn khởi kiện thì ông C có hộ khẩu tại địa chỉ trên; qua xác minh của Tòa án hiện ông C đi đâu chính quyền không rõ, khi đi ông C không báo cho V biết địa chỉ mới nên được coi là ông C cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V với Ngân hàng TMCP VN ngày 24/5/2019 được xác nhận ngày 25/5/2019 (sau đây gọi chung là: Hợp đồng vay) thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP VN mở thẻ

tín dụng cho ông Ngô Trường C, với hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ là 60 tháng, lãi suất, phí: Theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V.

Sau khi được cấp thẻ, ông C đã thực hiện giao dịch nhiều lần, lần cuối cùng vào ngày 03/8/2020 với số tiền rút là 29.851.000 đồng (số tiền V yêu cầu là 29.728.103 đồng). Từ sau ngày 03/8/2020 ông C đã ngừng giao dịch và không đóng tiền lại cho V. V đã nhiều lần yêu cầu ông C thanh toán tiền vào thẻ tín dụng nhưng ông C không thực hiện nên ông C đã vi phạm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/5/2019. Do đó, Ngân hàng TMCP VN khởi kiện ông Ngô Trường C phải thanh toán số tiền gốc 29.728.103 đồng là có căn cứ. Đến ngày 27/9/2021, V đã chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng của ông C và không yêu cầu ông C trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí đối với thẻ tín dụng nêu trên từ sau ngày 27/9/2021 là sự tự nguyện của V nên Hội đồng xét xử chấp nhận (Nói cách khác: Chấm dứt hợp đồng tín dụng từ ngày 27/9/2021). Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi và tiền phí từ ngày 28/9/2021 nên tiền lãi sẽ không áp dụng theo Hợp đồng tín dụng mà áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đối với tiền lãi, V yêu cầu ông C trả số tiền lãi 13.116.361 đồng. Xét thấy, từ ngày 03/8/2020 ông C vi phạm hợp đồng đến ngày V chấm dứt sử dụng thẻ ngày 27/9/2021 là 13 tháng 24 ngày, theo thỏa thuận tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V thì lãi suất quá hạn là 4% đến 6%/ tháng x số tiền gốc 29.728.103 đồng thì số tiền lãi quá hạn là cao hơn nhiều đề nghị của V nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền phí chậm thanh toán, V yêu cầu ông C thanh toán số tiền là 29.614.775 đồng. Xét thấy, ngày 03/8/2020 ông C bắt đầu vi phạm hợp đồng đến ngày 27/9/2021 là: 13 tháng 24 ngày x lãi suất phí 6%/tháng x số tiền nợ 29.728.103 đồng = 24.614.869 đồng. Do đó, V yêu cầu ông C thanh toán số tiền 29.614.775 đồng (cao hơn 4.999.906 đồng) là cao hơn mức mức phí mà ông C phải chịu.

Đối với tiền phí vượt hạn mức, V yêu cầu ông C thanh toán số tiền là 13.583.178 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện V cho rằng V không cho ông C rút tiền vượt hạn mức. Do đó, ông C không thể vi phạm rút tiền vượt hạn mức nên V đề nghị ông C trả phí vượt hạn mức 13.583.178 đồng là không có căn cứ. Như vậy, tổng số tiền phí V yêu cầu ông C phải thanh toán không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 18.583.084 đồng.

Đối với tiền lãi, lãi quá hạn và phí ,V cho rằng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C từ ngày 27/9/2023 nên không yêu cầu ông C thanh toán tiền lãi, lãi quá hạn và phí cho V từ sau ngày 27/9/2021 nên HĐXX không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; V phải chịu án phí đối với số tiền Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 463, 648 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VN đối với ông Ngô Trường C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng thẻ".

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính tiền phí chậm thanh toán 4.999.906đ (bốn triệu, chín trăm chín chín ngàn, chín trăm lẽ sáu đồng) và tiền phí vượt hạn mức 13.583.178đ (mười ba triệu, năm trăm tám ba ngàn, một trăm bảy tám đồng); tổng số tiền phí không được chấp nhận là 18.583.084 đồng của Ngân hàng TMCP VN đối với ông Ngô Trường C.

Tuyên xử:

1. Công nhận việc Ngân hàng TMCP VN không yêu cầu ông Ngô Trường C phải thanh toán tiền lãi, phí sử dụng thẻ tín dụng và ngừng cung cấp sử dụng thẻ tín dụng số 5128240000966323 đối với ông Ngô Trường C kể từ ngày 28/9/2021 (Nói cách khác: Chấm dứt hợp đồng tín dụng từ ngày 27/9/2021).

2. Buộc ông Ngô Trường C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP VN số tiền còn nợ phát sinh từ Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V với Ngân hàng TMCP VN ngày 24/5/2019 là 67.459.333đ (sáu mươi bảy triệu, bốn trăm năm chín ngàn, ba trăm ba ba đồng); trong đó: nợ gốc là 29.728.103 đồng tính đến ngày 19/6/2023, nợ lãi là 13.116.361 đồng, tiền phí chậm thanh toán là 24.614.869 đồng tính đến ngày 27/9/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Ngô Trường C phải chịu 3.372.966đ (ba triệu, ba trăm bảy hai ngàn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc Ngân hàng TMCP VN phải chịu 929.154đ (chín trăm hai chín ngàn, một trăm năm tư đồng) nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0009014 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho Ngân

hàng TMCP VN số tiền tạm ứng án phí 1.170.846đ (một triệu, một trăm bảy mươi ngàn, tám trăm bốn sáu đồng).

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/6/2023. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh